

Tịnh độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 65

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 22 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Hiệp hội giáo dục Phật-đà Hồng Kông

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 59, hàng thứ 2 từ dưới lên:

“Sách Hoa Nghiêm Huyền Đàm nói: Các pháp vì sao sự sự vô ngại? Bởi vì chỉ do tâm hiện. Nguồn gốc của các pháp không có chủng loại riêng, mà từ tâm Như Lai tạng theo duyên khởi ra các pháp khác biệt. Do vậy, tất có đạo lý có thể dung hòa lẫn nhau.” Mười huyền môn nói rõ cho chúng ta sự sự vô ngại, vì sao sự sự vô ngại? Điều này nhất định phải có sự nhận biết sâu sắc đối với duyên khởi. Cũng chính là nói khoa học và triết học mấy trăm năm qua đều nghiên cứu về vấn đề này, nhưng mãi cho đến nay vẫn chưa có đáp án nào khiến người ta hài lòng. Vũ trụ từ đâu mà có? Vì sao có vũ trụ? Sinh mạng từ đâu mà có? Đây đều là vấn đề lớn căn bản của triết học và khoa học. Trong Phật pháp cũng như vậy, sự việc này chỉ có đức Phật nói rõ ràng sáng tỏ trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm xác thực không thể nghi bàn, bộ kinh này được Thích-ca Mâu-ni Phật giảng trong định. Cho nên đến tận ngày nay, Phật giáo Tiểu thừa Nam truyền không thừa nhận bộ kinh này, họ nói bộ kinh này do Bồ-tát Long Thọ tự tạo ra, do ngài Long Thọ truyền lại. Sau khi Thích-ca Mâu-ni Phật diệt độ, 600 năm sau Bồ-tát Long Thọ xuất hiện ở Ấn Độ, mọi người đều biết ngài là Bồ-tát Sơ địa ứng hóa thân ở thế gian. Trong truyện ký có ghi chép, người này vô cùng thông minh, khả năng đọc sách của ngài giống như cổ nhân Trung Quốc nói “nhìn một lần mười hàng, đọc một lần không quên”, ngài có năng lực lớn đến như vậy. Trong thời gian ba tháng, ngài dùng thời gian ba tháng học viên mãn hết tất cả pháp mà Thích-ca Mâu-ni Phật năm xưa tại thế nói trong 49 năm. Người thông thường chúng ta dùng ba năm không thể làm được, nếu muốn học hết bộ Đại tạng kinh mà Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng, hiện nay mà nói có lẽ 30 năm cũng không làm được, cũng không đủ. Chúng ta có lý do để tin tưởng. Song ngài vẫn còn tập khí phiền não, cho nên về mặt tập khí phiền não mà nói, những gì ngài chứng đắc không thể là Viên giáo, nếu là Bồ-tát Sơ địa của Viên giáo thì chắc chắn không có

tập khí phiền não. Ngài vẫn còn tập khí ngạo mạn, cảm thấy trên thế gian này, trong Phật pháp chỉ có một mình ngài, không có ai vượt hơn ngài. Sự thật cũng là như vậy. Duyên này khiến Bồ-tát Đại Long cảm động, Đại Long là Bồ-tát Đăng giác, đã cảm động Bồ-tát Đại Long, Bồ-tát Đại Long bèn dẫn ngài đến long cung đi tham quan, xem bộ kinh Hoa Nghiêm mà năm xưa Thích-ca Mâu-ni Phật đã giảng ở trong định khi ngài thành đạo, là kinh Hoa Nghiêm đại bản. Sau khi xem xong, tập khí ngạo mạn của ngài lập tức tiêu tan.

Bộ Hoa Nghiêm mà Thế Tôn nói trong 21 ngày, phân lượng của nó là bao nhiêu? Mười đại thiên thể giới vi trần kệ. Một đại thiên thể giới chính là khu vực giáo hóa của một vị Phật, điều này các đồng học đều có thể hiểu rõ. Cũng như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, nếu dùng hệ ngân hà làm một đơn vị thế giới thì là bao nhiêu hệ ngân hà? Một tỉ hệ ngân hà, một đại thiên thể giới là một tỉ hệ ngân hà. Đức Phật nói bộ kinh này phân lượng của nó bao lớn? Mười đại thiên thể giới vi trần kệ. Đại thiên thể giới có bao nhiêu vi trần? Không cách nào tính được. Một tứ thiên hạ vi trần phẩm, bộ kinh này có bao nhiêu phẩm? Một tứ thiên hạ vi trần phẩm. Bồ-tát Long Thọ vừa nhìn liền biết chúng sanh cõi Diêm-phù-đề không ai có thể thọ trì, cho nên người nào có thể thọ trì bộ kinh này? Pháp thân Bồ-tát, trong Hoa Nghiêm là từ Sơ trụ trở lên, 41 giai vị pháp thân đại sĩ, đây là thế nào? Đây là bộ kinh viên mãn. Cũng chính là nói, bộ kinh mà tất cả chư Phật mười phương ba đời đã nói gọi là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm”, cũng giống như điều gì? Đây là tên gọi chung của tất cả kinh. Giống như hiện nay chúng ta gọi là Đại tạng kinh, so với Đại tạng kinh thì phân lượng của kinh này nhiều hơn rất nhiều. Bồ-tát Đại Long lại cho ngài xem trung bản, trung bản là gì? Trung bản là phần trích lược trọng yếu, trích ra những tinh hoa từ trong đại bản, phân lượng là bao nhiêu? Bồ-tát Long Thọ xem rồi vẫn thấy không được, chúng sanh cõi Diêm-phù-đề dù gắng hết sức cả đời cũng không cách nào học được. Kế đến xem hạ bản, hạ bản là mục lục đề yếu, giống như Tứ Khố Toàn Thư có Tứ Khố Toàn Thư Đề Yếu, bộ Tứ Khố Toàn Thư hiện nay có 1.500 cuốn bìa cứng, Đề Yếu gồm 5 cuốn, chính là mục lục, giới thiệu khái quát nội dung trong bộ sách này là những gì, đây là mục lục đề yếu. Mục lục đề yếu của bộ kinh này có 100.000 bài kệ, 40 phẩm, được truyền đến thế gian này. Bồ-tát Long Thọ nói bộ này được, ngài có trí nhớ tốt, năng lực đọc hiểu nhanh, đọc qua một lần thì ghi nhớ hết toàn bộ. Sau khi trở về, ngài liền đọc tụng rồi viết ra, đây chính là bộ kinh Hoa Nghiêm được truyền đến thế gian, phân lượng vẫn là vô cùng lớn.

Truyền đến Trung Quốc tổng cộng là ba lần, lần đầu tiên vào thời Đông Tấn, chỉ truyền được một phần ba, là bản khiếm khuyết không toàn vẹn. Bạn xem, nguyên văn là 100.000 bài tụng, nhưng truyền đến Trung Quốc chỉ có 36.000 bài tụng, được phiên dịch hoàn toàn ở Trung Quốc, chúng ta gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm, 60 quyển. Lần thứ hai là truyền đến vào thời nhà Đường, khi đó Võ Tắc Thiên làm hoàng đế, Võ Tắc Thiên thay đổi quốc hiệu, gọi là nhà Chu, bộ kinh này được phiên dịch hoàn thành dưới tay bà, kê khai kinh là do bà viết, cho nên kinh này còn được gọi là “kinh Đại Chu”, kinh Đại Chu chính là kinh Hoa Nghiêm, được phiên dịch lần thứ hai, do ngài Thật-xoa-nan-đà mang từ Ấn Độ đến Trung Quốc, mang theo kinh Hoa Nghiêm. Lần này ngài mang đến 45.000 bài tụng, nhiều hơn lần đầu truyền đến 9.000 bài tụng, gần được một nửa, toàn bộ kinh là 100.000 bài tụng, 45.000 bài tụng đã được phiên dịch ở Trung Quốc, gọi là Bát Thập Hoa Nghiêm, Bát Thập Hoa Nghiêm do đây mà có. Nhà Đường năm Trinh Nguyên thời Đường Đức Tông, quốc vương Ô-trà, đây là một nước nhỏ tiến cống cho Trung Quốc. Tiến cống nghĩa là tặng lễ vật cho hoàng đế, gọi là tiến cống, dâng lễ vật cho hoàng đế. Trong lễ vật có phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, sau khi dịch ra thì đây là một phẩm hoàn chỉnh, không có khiếm khuyết, hết sức khó được. Sau khi phiên dịch tổng cộng có 40 quyển, cho nên gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên là phẩm hoàn chỉnh nhất. Hai lần trước truyền vào cũng có phẩm này, thế nhưng bị thiếu quá nhiều, như phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm chính là phẩm Hạnh Nguyên 21 quyển, lần này truyền đến toàn bản là 40 quyển, thiếu 19 quyển. Cho nên ba lần phiên dịch này ở Trung Quốc, loại bỏ những phần trùng lặp thì gần như đạt được một phần hai của kinh Hoa Nghiêm nguyên bản. Tuy thiếu sót không đầy đủ, nhưng nhìn ra được ý nghĩa của nó. Đặc biệt khó được nhất là phẩm cuối cùng này, cũng chính là 53 tham học vô cùng quan trọng, có thể nói đây là bản hoàn chỉnh được truyền vào Trung Quốc, hết sức khó được. Phẩm này đặc biệt có duyên với Trung Quốc, cho nên hiện nay kinh Hoa Nghiêm có ba phiên bản.

Đại sư Hoằng Nhất thời cận đại đặc biệt yêu thích kinh Hoa Nghiêm, khi ngài giới thiệu Phật pháp cho giới trí thức đều giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, giới thiệu chú giải của đại sư Thanh Lương, dùng kinh Đại thừa để tiếp dẫn đại chúng trong thời mạt pháp. Trong kinh đức Phật có nói đến ý này, vào thời xa xưa, thời đại của Thích-ca Mâu-ni Phật thì Tiểu thừa khế cơ. Thời đại hiện nay, thời dân chủ tự do mở cửa thì Đại thừa khế cơ, bởi vì Đại thừa phóng khoáng, Tiểu thừa thì bảo thủ, đây là khế

hợp căn cơ người thời đại. Quan trọng nhất trong kinh này cho chúng ta biết vũ trụ từ đâu mà có, vạn pháp từ đâu mà có, sinh mạng từ đâu mà có. Những kinh Đại thừa thông thường cũng có nói đến, nhưng không tường tận. Trong kinh Đại thừa nói “một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh bất giác sinh tam tế, cảnh giới do duyên trường lục thô”, nói theo cách này thì nói không sai, một chút cũng không sai. Một niệm bất giác gọi là vô thi vô minh, vô thi vô minh khiến cho hàng sơ học chúng ta sinh ra sự hiểu lầm rất nghiêm trọng. Khi chúng tôi mới học cũng như vậy, cho rằng vô thi đại khái nghĩa là rất lâu, không tìm được khởi đầu, nên mới gọi là vô thi. Kỳ thật chúng ta đã hoàn toàn hiểu sai ý nghĩa của nó, nó không có nghĩa như vậy, vô thi rất đơn giản, nghĩa là không có khởi đầu, nhưng ý nghĩa này rất sâu, vì sao không có khởi đầu? Thật sự không có khởi đầu. Chúng ta thấy cuộc đối thoại giữa Bồ-tát Di-lặc và Thích-ca Mâu-ni Phật, một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ niệm thì làm sao bạn có thể tìm được khởi đầu của nó. Nó có khởi đầu, nhưng bạn vừa nghĩ đến khởi đầu thì nó đã không còn nữa, đây là hiện tượng gì? Là sanh diệt đồng thời, cho nên gọi là vô thi. Ý nghĩa chân thật của vô thi là sanh diệt đồng thời, không sanh không diệt, đều là nói về hiện tượng này. Nếu không có hiện tượng đồng thời này mà nói không sanh không diệt, vậy thì chẳng có ý nghĩa gì, có sanh diệt, nhưng sanh diệt chính là không sanh diệt, cho nên sanh diệt và không sanh diệt không hai, đây chính là huyền môn.

Duyên khởi của vũ trụ là như vậy, cơ học lượng tử ngày nay cũng cho chúng ta biết, vũ trụ được hình thành như thế nào? Trên thực tế chỉ trong một sát-na. Là một niệm bất giác này, một niệm này không có lý do, vì sao có một niệm này? Nếu một niệm này có lý do thì thật có một niệm. Một niệm không có lý do, nó là vọng niệm, không phải thật, không phải thật mà bạn truy cứu nó thì sai rồi, bạn khởi tâm động niệm chẳng phải càng sai lầm hơn sao? Không cần khởi tâm động niệm, chân tướng sự thật bày ở ngay trước mắt bạn, chân tướng rõ ràng. Vì sao mê? Bạn muốn tìm nguyên nhân của nó thì mê rồi, càng mê sâu hơn. Cho nên đạo lý này nói được vi diệu vi tế, không cho bạn suy nghĩ, vừa khởi tâm động niệm thì đã mê; nếu bạn tiếp tục phân biệt nữa thì mê càng sâu hơn, nếu còn có ý niệm chấp trước thì càng sâu hơn nữa. Do vậy Phật nói với chúng ta thế gian này là giả, không phải thật, trong kinh Bát-nhã nói “hết thấy pháp hữu vi như mộng huyễn bọt bóng”, thế nào là pháp hữu vi? Pháp hữu vi nghĩa là có sanh có diệt, pháp có sanh có diệt là pháp hữu vi. Bạn xem trong vũ trụ có pháp nào không phải là pháp hữu vi, động vật có sanh lão bệnh tử, là pháp hữu vi; thực vật có sanh trụ dị diệt; khoáng vật, tinh cầu có thành trụ hoại không, cho nên hiện tượng trong tự nhiên không có thứ nào không phải là

pháp hữu vi. Đã là pháp hữu vi thì nó không phải là thật, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Hiện nay chúng ta đã biết hiện tượng này từ đâu mà có, nhà khoa học lượng tử nói với chúng ta, là từ ý thức, chính là từ ý niệm, hiện tượng ý niệm tích lũy liên tục thì biến thành hiện tượng vật chất. Bạn không cách nào cảm nhận được một ý niệm, cho nên gọi là vô thi vô minh. Thế nhưng nếu vô thi vô minh tích lũy lại thì bạn có thể nhìn thấy, có thể phát hiện ra nó, nó đã biến thành hiện tượng vật chất, tất cả mọi hiện tượng đều do nó biến ra. Vì sao nó biến ra nhiều như vậy? Do tần số dao động sóng của nó không giống nhau, tần số chậm thì biến thành thể rắn, biến thành đá, biến thành vật chất, tần số nhanh hơn một chút thì biến thành thực vật, nhanh hơn chút nữa thì biến thành động vật, do tần số không giống nhau. Ngoài sự tích lũy của ý niệm ra thì không có gì khác, bản thân ý niệm cũng không tồn tại, cho nên nói vạn pháp đều không là giải thích cho đạo lý này.

Khoa học hiện nay dần dần tiến gần đến Phật giáo, trong Phật giáo nói một niệm bất giác là vô minh, bởi vì bất giác nên xuất hiện a-lại-da, a-lại-da là vọng tâm. Do một niệm bất giác nên từ chân tâm biến hiện ra vọng tâm, sau đó chân tâm bị mê, vọng tâm đứng ra làm chủ. Vũ trụ từ đâu mà có? Vạn pháp từ đâu mà có? Sinh mạng từ đâu mà có? Đều do vọng tâm biến hiện ra, thế nhưng vọng tâm có thể biến, tất cả pháp là thứ được biến ra, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới là thứ được biến ra. Y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới từ đâu mà có? Từ chân tâm hiện ra, chân tâm có thể hiện, có thể sanh có thể hiện, song không biến đổi, nhất chân pháp giới không biến đổi, chính là nói về cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai, đó là vô thi vô minh biến hiện ra, nhưng trong đó chắc chắn không có phân biệt chấp trước. Ý niệm của chúng ta chỉ cho cái gì? Ý niệm chỉ cho phân biệt chấp trước, thế nên phân biệt chấp trước được gọi là ý niệm, ý niệm quyết định tất cả. Ý niệm thanh tịnh thì tịnh độ hiện tiền, ý niệm ô nhiễm thì uế độ hiện tiền. Nếu ý niệm là thiện thì ba đường thiện hiện tiền, nếu ý niệm là ác thì ba đường ác hiện tiền, chính là sự việc như vậy. Không có ý niệm thì không có lục đạo luân hồi, cũng không có mười pháp giới. Cho nên đại đức xưa, như ngài Vĩnh Gia nói trong Chứng Đạo Ca rằng: “Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, giác rồi rỗng lặng không đại thiên”, không những sáu cõi là cảnh mộng, mà mười pháp giới cũng là cảnh mộng, thật sự tỉnh mộng gọi là giác ngộ, chỉ có nhất chân pháp giới, cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như Lai được gọi là nhất chân pháp giới. Cảnh giới này vĩnh viễn không biến đổi, thật sự là không sanh không diệt. Nhưng nó có phải là thật hay không? Vẫn chưa phải là thật, “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, cõi Thật báo cũng không

ngoại lệ. Đến khi nào thì không còn cội Thật báo? Đến khi đoạn sạch hết tập khí vô thi vô minh thì cội Thật báo không còn, chỉ cần có một chút tập khí thì nó vẫn tồn tại, không có chút tập khí nào thì nó sẽ không còn, nó đi về đâu? Trở về Thường tịch quang.

Cho nên ngày nay các nhà khoa học phát hiện, họ nói vũ trụ của chúng ta, phần mà hiện nay chúng ta có thể quan sát, có thể lý giải được, chỉ chiếm 10% của cả vũ trụ, vẫn còn 90% của vũ trụ không nhìn thấy, rốt cuộc đã đi đâu? Dùng Phật pháp để giải thích, 90% đó của vũ trụ đã trở về Thường tịch quang, trở về tự tánh. Trở về tự tánh rồi có khởi tác dụng hay không? Có khởi tác dụng, về mặt lý luận mà nói thì khởi tác dụng. Vì sao vậy? Trong tự tánh không phải không có gì hết, mà trong tự tánh có trí tuệ, trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, chỉ là nó không có duyên nên nó không hiện. Trong mười huyền môn thì gọi là ẩn hiện, một niệm bất giác là duyên của nó, nó liền hiện ra; nếu không có một niệm bất giác thì nó sẽ không hiện. Không hiện nhưng chẳng thể nói là không có, dù hiện cũng không thể nói là có, có ở đây là có hư ảo, không phải thật có. Cho nên bất luận hiện hay không hiện thì Phật và pháp thân Bồ-tát đều hành xử như thế nào? Không khởi tâm không động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, vậy quý vị nghĩ xem phân biệt chấp trước ở đâu ra! Đây là Phật Bồ-tát, dùng lời hiện nay để nói thì đây là dụng tâm của các ngài. Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì thật sự học Phật là học điều gì? Sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần không khởi tâm không động niệm, đây gọi là học Phật, Phật là như vậy, ngài chưa từng khởi tâm động niệm. Nhưng không khởi tâm động niệm là việc rất không dễ dàng, không khởi tâm động niệm quá khó. Người tu hành thật sự có công phu, thỉnh thoảng sẽ có hiện tượng ngăn ngại này, tâm địa thật sự thanh tịnh, công phu thanh tịnh bình đẳng giác tạm thời hiện tiền.

Chúng ta xem trong Niên Phở của lão hòa thượng Hư Vân, ngài nói ra cảnh giới này. Có một năm nọ vào dịp Tết, lão hòa thượng ở am tranh, am tranh này nương vào chùa, ở am tranh cũng phải ăn cơm, cũng cần một ít đồ cần thiết cho cuộc sống, những thứ này do nhà chùa cung ứng. Cho nên Tết đến thì ngài tới chùa lấy một chút rau gạo dầu muối, lấy một chút như thế. Lấy xong ngài trở về am tranh, khoảng cách giữa am tranh và chùa đại khái đi khoảng hơn nửa tiếng đồng hồ, ngài trở về. Lúc đó có lẽ là khoảng chập tối, chúng ta biết lão hòa thượng rất lớn tuổi, ngài đi chậm rãi, tâm địa rất thanh tịnh, không có ý niệm. Đi được nửa đường, gặp hai vị pháp sư trong chùa trên tay cầm đèn, trên đường đi gặp lão hòa thượng, đôi bên đều quen biết nhau,

họ nói với ngài: “Hòa thượng Hư Vân, trời tối như vậy sao ngài không mang đèn?” Lão hòa thượng vừa nghe câu nói này xong thì lập tức thấy trời tối đen. Khi họ chưa nhắc đến, ngài cảm thấy trời sáng như lúc ngài rời khỏi chùa, trời chưa tối, hoàng hôn sắp xuống chứ chưa tối, ngài thấy rất rõ ràng. Nhưng khi vừa nhắc đến thì ngài thế nào? Ngài đã khởi ý niệm, ngài khởi phân biệt, nên trời lập tức tối đen. Từ chỗ này chúng ta biết, lúc không khởi tâm không động niệm, không trung này sáng rõ, đó là Thường tịch quang, không phải bầu trời đen. Ngày nay chúng ta thấy khi không có mặt trời mặt trăng, nhìn lên trời thấy tối đen, đây gọi là vô minh. Đây chính là gì? Là do bạn khởi tâm động niệm, do khởi tâm động niệm nên hiện ra tướng này. Không khởi tâm không động niệm thì vũ trụ là một mảng quang minh, trong kinh Phật gọi là đại quang minh tạng. Cho nên khi nào bạn cảm thấy mình đã phá được vô minh? Khi bạn không còn thấy tối đen thì vô minh không còn nữa; bạn còn thấy tối đen tức là chưa phá được vô minh. Phá được vô minh mới thật sự gọi là thành Phật, vị Phật viên mãn rốt ráo.

Bạn xem 41 giai vị pháp thân đại sĩ trong cõi Thật báo, trong thế giới này không có tối đen, không có tối đen tức là sáng rõ. Nhưng còn gì? Tuy đã phá vô minh nhưng vẫn còn tập khí, thế nên tuy không có tối đen nhưng vẫn có hiện tượng này, vẫn còn hiện tượng. Nếu đoạn sạch hết tập khí vô minh thì hiện tượng này không còn nữa, không còn cõi Thật báo, hoàn toàn trở về một mảng Tịch quang. Tịch là thanh tịnh, nghĩa là không còn khởi tâm động niệm, cho đến dao động sóng cực kỳ nhỏ cũng không còn, như Bồ-tát Di-lặc nói một khảy ngón tay có 320 ngàn tỷ niệm, hiện tượng này sẽ không còn nữa. Có hiện tượng này thì cõi Thật báo xuất hiện; nếu trong đó thêm vào phân biệt thì tứ thánh pháp giới sẽ xuất hiện, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, pháp giới này sẽ xuất hiện; lại có thêm một chút chấp trước thì lục đạo xuất hiện. Điều này chứng tỏ cảnh giới biến đổi như thế nào? Biến đổi do thức, thức chính là phân biệt chấp trước, thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước. Sự việc trong mười pháp giới đều do a-lại-da biến ra, cũng chính như nhà khoa học ngày nay nói năng lượng, thông tin, vật chất đều do a-lại-da biến ra, biến hiện ra, đây chính là ba tướng tế của a-lại-da. Chúng ta biết được sự việc này, khẳng định sự việc này, bạn mới biết được sức mạnh của ý niệm quá lớn, nó có thể biến hiện y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, cho nên nếu ý niệm thanh tịnh thì Tịnh độ sẽ xuất hiện.

Vì sao thế giới Tây Phương Cực Lạc lại đẹp như vậy? Chúng ta đọc trong kinh Vô Lượng Thọ thấy không gì khác ngoài việc tâm của những người bên đó đều là

thanh tịnh bình đẳng giác, đã giác, họ thật sự đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ. Thế nhưng chúng ta biết được, đại triệt đại ngộ là cảnh giới của 41 giai vị pháp thân đại sĩ, là cõi Thật báo trang nghiêm, chưa đoạn hết tập khí vô thi vô minh. Đoạn hết tập khí vô thi vô minh rồi thì cảnh giới này không còn hiện nữa, cái gì xuất hiện? Thường tịch quang xuất hiện. Rất không dễ dàng, nhiều năm qua chúng ta học tập giáo pháp Đại thừa, hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đó mới quay lại khẳng định rằng sức mạnh của ý niệm quyết định tất cả. Thế giới ngày nay động loạn là vì sao? Bởi vì ý niệm của những người sống trên địa cầu này không tốt, ý niệm không thanh tịnh, bị ô nhiễm, niệm ác nhiều, niệm thiện ít. Cho nên thế giới ngày nay, chúng ta quan sát kỹ sẽ thấy, bất luận nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, quý vị nghĩ thử xem, 16 chữ mà chúng tôi thường nói thì đều có đủ, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, ý niệm này không tốt. Người thời xưa cũng có nhưng nhẹ hơn chúng ta hiện nay, ngày nay quá nghiêm trọng, ích kỷ đến mức ngay cả cha mẹ mình cũng không lo, như thế có nguy không? Khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, tạo tác ngũ nghịch thập ác. Trước đây người tạo ngũ nghịch thập ác ít, tạo ngũ nghịch thập ác nhẹ, không nghiêm trọng như vậy, hiện nay quá nhiều người tạo ngũ nghịch thập ác, vô cùng nghiêm trọng, cho nên địa cầu này mới xuất hiện nhiều tai nạn như thế, tai nạn không phải tự nhiên, tai nạn là do ý niệm của chúng ta chiêu cảm nên. Tai nạn này cứu được không? Đáp án là chắc chắn, chắc chắn cứu được. Cứu bằng cách nào? Chuyển đổi ý niệm thì vấn đề liền được giải quyết.

Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, chuyển mê thành ngộ thì vấn đề được giải quyết, cuối cùng lại dạy chúng ta chuyển phàm thành thánh, nếu làm được ba câu này thì địa cầu này sẽ trở nên giống như thế giới Tây Phương Cực Lạc, đến khi chuyển phàm thành thánh thì địa cầu này chính là thế giới Cực Lạc. A-di-đà Phật ở đâu? A-di-đà Phật ở ngay đây, không rời chúng ta, gọi là nhất thời đốn hiện. Phải biết rằng khắp vũ trụ không có thời gian, cũng không có không gian, phần trước chúng ta đã học qua huyền môn “các pháp khác biệt trong mười đời thành tựu cùng một lúc” trong mười huyền môn, nói với chúng ta rằng hiện tượng thời gian và không gian không phải là thật. Không có không gian là không có khoảng cách, không có thời gian là không có trước sau, trên thực tế là pháp thân Bồ-tát đều hiểu rõ. Chúng ta sống ở đâu? Sống ngay khoảnh khắc này, vĩnh viễn đều là sống ngay khoảnh khắc này. Bởi vì mỗi ý niệm, đây là ý niệm mà Bồ-tát Di-lặc nói, mỗi ý niệm đều độc lập, không phải ý niệm trước sau nối liền nhau. Nhà khoa học lượng tử cũng phát hiện ra, họ nói mỗi ý niệm giống như phim điện ảnh, từng tấm được chiếu lên, mỗi tấm

đều độc lập, tấm trước và tấm sau không liên quan gì đến nhau, mỗi tấm đều độc lập, điều này nói giống như Phật pháp nói. Đây là tướng tiếp nối tương tự mà chúng ta đã học trong Hoa Nghiêm, bởi vì nó không phải là thật, nếu thật sự giống nhau thì sẽ tiếp nối, nhưng nó luôn có một chút không giống nhau, mỗi tấm đều không giống nhau, cho nên nó là tướng tiếp nối tương tự. Danh từ mà khoa học dùng, tôi cảm thấy họ dùng còn hay hơn chúng tôi nghĩ, họ dùng danh từ “tướng liên tục do ý niệm tích lũy”. Thế nên nó không phải là thật, không phải thật thì nên buông xuống, không buông xuống thì sai rồi. Buông xuống điều gì? Buông xuống phân biệt chấp trước, đừng chấp trước nữa, chấp trước là sai, không cần phân biệt! Đây chính là tâm thái của chư Phật Bồ-tát khi ứng hóa tại thế gian này, vĩnh viễn là tùy duyên diệu dụng. Thật sự buông xuống thì trí tuệ trong tánh đức của bạn hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Không phải là buông xuống rồi thì không biết gì hết, như vậy là bạn không hề buông xuống, sau khi buông xuống mà vô minh hiện tiền, vô minh vẫn là phiền não, cái gì bạn cũng không biết thì vẫn là phiền não hiện tiền, bạn không phải thật sự buông xuống. Khi thật sự buông xuống thì trí tuệ hiện tiền. Cho nên bản thân mình cho rằng đã buông rồi, nhưng thực tế thì chưa buông xuống. Loại ngộ nhận này rất nhiều, cũng rất bình thường. Cho nên khi thật sự buông xuống thì cảm giác đó hoàn toàn khác, Phật pháp gọi là khinh an tự tại, đây là cái đầu tiên bạn đạt được. Sau khi bạn buông xuống thì cảm thấy hết sức thoải mái dễ chịu, tâm địa vô cùng thanh tịnh, vô cùng an toàn, là cảnh giới như vậy. Khi gặp việc thì trí tuệ lập tức hiện tiền, không cần lo lắng.

Giống như năm xưa Thích-ca Mâu-ni Phật còn tại thế, ngài vì mọi người chúng ta mà giảng kinh thuyết pháp dạy học, ngài có khởi tâm động niệm hay không? Không có. Người khác đến thỉnh giáo ngài thì trong tự tánh liền lưu xuất ra, tuyệt đối không có việc suy nghĩ một chút, mình phải trả lời người này như thế nào đây. Nếu suy nghĩ thì rơi vào ý thức rồi, câu trả lời của bạn hoàn toàn dựa trên kiến thức thông thường của mình, đó là tri thức, không phải trí tuệ. Trí tuệ không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, có vọng tưởng phân biệt chấp trước trong đó là tri thức, khác hoàn toàn. Trí tuệ không cần dụng tâm, không cần dụng tâm là dùng chân tâm, không cần dụng vọng tâm, khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước là vọng tâm, không dụng vọng tâm mà dụng chân tâm. Trong Kinh Lăng-nghiêm nói “xả thức dùng căn”, thức chính là a-lại-da thức, bạn bỏ nó đi. Xả thức có nghĩa là gì? Chính là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây chính là xả thức. Sau khi xả thức rồi thì bạn dùng cái gì? Dùng căn tánh của sáu căn, căn

tánh của sáu căn là chân tánh, là trí tuệ, là đức tướng. Sự chuyển đổi này trong giáo pháp Đại thừa gọi là đốn căn, người thượng thượng căn, một niệm chuyển trở lại liền thành Phật, phàm phu liền thành Phật. Thích-ca Mâu-ni Phật đã thị hiện cho chúng ta như vậy, đại sư Lục tổ Huệ Năng thị hiện cho chúng ta cũng là như vậy, đó gọi là người thượng thượng căn, đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng, các ngài hoàn thành chỉ trong một niệm. Thế nên Phật nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, lời này là thật, một chút cũng không giả. Vì sao chúng sanh lại ra nông nổi này? Chúng sanh là một niệm mê. Phật là gì? Phật là một niệm giác. Một niệm nào? Một niệm ngay lúc này.

Chúng ta đã học Phật nhiều năm như vậy, biết được tin tức này từ đâu? Từ trong kinh điển. Cho nên chúng ta cũng gọi là ngộ, nhưng đây là giải ngộ, không phải là chứng ngộ, giải ngộ là tập khí phiền não của chúng ta vẫn chưa buông xuống, không hữu dụng. Nếu là chứng ngộ thì hữu dụng, chứng ngộ thì được tác dụng gì? Sự sự vô ngại, tác dụng này quá lớn, sự sự vô ngại. Giải ngộ thì sự sự vẫn còn ngăn ngại, vẫn còn chướng ngại, lý sự vẫn còn chướng ngại, tuy có chướng ngại nhưng chúng ta đã có niềm tin để đi về con đường vô ngại, có niềm tin thì bạn sẽ không bị thoái chuyển, bạn sẽ dũng mãnh tiến lên. Dùng phương pháp gì? Tiếp tục dùng phương pháp cũ, phương pháp cũ chính là đọc kinh. Đọc kinh phải biết được phương pháp, đọc kinh là hoàn thành tam học giới định tuệ cùng một lúc, không khác Thiền và Mật, là cùng một đạo lý. Cách đọc kinh như thế nào? Không chấp tướng văn tự, không chấp tướng danh tự, danh từ thuật ngữ, không chấp tướng tâm duyên, không cần suy nghĩ ý nghĩa của kinh, đọc một mạch từ đầu đến cuối, hai tiếng đồng hồ đọc xong bộ kinh này là bạn đã tu hai tiếng, tu điều gì? Cùng lúc tu giới định tuệ. Thế nào là giới? Y theo quy củ đức Phật dạy, không chấp chính là nhất định không phân biệt, không chấp trước tướng văn tự, không chấp trước danh từ thuật ngữ, không cần suy nghĩ nó, đây gọi là giới luật, đây gọi là trì giới. Đọc bộ kinh này hai tiếng đồng hồ là hai tiếng đồng hồ tu trì giới. Những thứ này thấy đều không chấp trước, bạn khi đọc bộ kinh này thì ý niệm trong tâm hoàn toàn là kinh văn, không hề có tạp niệm, đây gọi là tu định. Trong định có tuệ, tuệ là gì? Tuệ là căn bản trí. Trong kinh Bát-nhã nói căn bản trí là gì? Bát-nhã vô tri, đây là căn bản trí, khi khởi tác dụng thì “không gì không biết”. Cho nên không gì không biết từ đâu mà có? Từ vô tri. Hiện nay chúng ta muốn học rộng nghe nhiều, cái gì cũng đều muốn biết, đến cuối cùng thì thế nào? Không biết gì hết, bởi vì bạn “hữu tri”. Cho nên người thật sự học Phật phải học vô tri thì mới không gì không biết. Vô tri là gì? Là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Không gì không biết là tâm giác ngộ, giác từ đâu mà có? Từ trong thanh tịnh

bình đẳng hiện ra, tâm bạn không thanh tịnh, không bình đẳng thì bạn làm sao giác đây!

Chúng tôi cũng tuân theo lời dạy của thầy, không những chúng tôi không phải là thượng thượng căn, mà ngay cả thượng căn cũng chưa đạt tới, tôi nghĩ căn tánh của mình, nếu dùng góc độ của kinh Phật để đo lường thì căn tánh của tôi là căn tánh trung hạ, không phải trung thượng. Học giáo pháp Đại thừa nhiều năm như vậy, mới nhìn ra sự việc này rõ ràng sáng tỏ. Đúng là Phật Bồ-tát phù hộ nên thọ mạng của tôi được kéo dài, có đủ thời gian để lĩnh ngộ, có đủ thời gian để tu hành, còn phải kéo dài thêm nữa thì tôi mới có thể chứng quả, từ giải ngộ đạt đến chứng ngộ thì liền khởi tác dụng. Sự chỉ dạy của thầy là chính xác, ngày đầu tiên tôi thỉnh giáo thầy, thầy liền nói với tôi “nhìn thấu, buông xuống”, tôi đã hiểu rõ. Tuy nhiên thế nào? Mức độ nhìn thấu chưa đủ, mới nhìn thấu 1-2 phần, ví như 100 phần thì mới nhìn thấu 1-2 phần. Buông xuống thì sao? Cũng chỉ 1-2 phần. Tuy không nhiều nhưng vẫn hiệu quả, nó có thể giúp bạn nâng cao. Đã học 59 năm, hiện nay nhìn thấu chắc được 6-7 phần, buông xuống cũng khoảng 6-7 phần! So với 100 phần vẫn còn khoảng cách rất lớn, tôi nói với mọi người là lời thật. Các bạn cảm thấy hình như tôi có một chút trí tuệ, bởi vì tôi buông được nhiều hơn các bạn một chút, tôi buông được 6-7 phần, các bạn không buông được phần nào hết. Cho nên các bạn thấy tôi không tệ, song tôi nhìn các đại đức xưa thì thấy mình kém rất xa, tôi với các ngài có khoảng cách tương đối xa. Hiện nay đã hiểu rõ ràng sáng tỏ; biết rằng trước đây thầy bảo tôi nhìn thấu buông xuống, nhưng không giảng rõ đạo lý này cho tôi, nói thật khi đó dù thầy có nói cho tôi cũng nghe không hiểu, chỉ uổng công thầy nói. Cho nên việc này, thầy đúng là có trí tuệ, có thể quán được căn cơ, thầy không cần nói, dù nói thì bạn cũng không hiểu được. Thầy nói cho bạn biết phương pháp, bạn làm từ từ rồi dần dần sẽ hiểu. Đây chính là phương pháp dạy học cao minh của đại đức xưa, chúng ta vẫn là không sánh bằng.

Cho nên tất cả pháp chỉ do tâm hiện, tất cả pháp chỉ do tâm hiện thì đương nhiên có sự dung hòa trong đó, dung hòa thì không có chướng ngại. Hòa là gì? Chung sống hòa thuận. Dung là bao dung, hàm dung. Thế nên trong tất cả pháp làm gì có chướng ngại? Có thể thấy, có chướng ngại là do không biết bản chất của tất cả pháp. Hiểu rõ toàn bộ rồi thì chắc chắn sẽ chung sống hòa thuận, là một thể, nói lên tất cả pháp là một thể, đã là một thể thì đâu có lý nào không hòa, đâu có lý nào không dung. Giống như con người vậy, hiện nay biết được cơ thể của chúng ta, nói theo cơ học

lượng tử thì có bao nhiêu lượng tử, photon nhỏ tổ hợp nên cơ thể này? Nếu dùng con số thì phải dùng tỉ làm đơn vị, mấy chục tỉ, mấy trăm tỉ mới tạo nên cơ thể này. Giả thiết như có hàng trăm tỉ photon nhỏ, giữa các photon nhỏ này có hòa thuận với nhau hay không? Đồi bên có bao dung nhau hay không? Nếu không hòa thuận, không bao dung thì chẳng phải sẽ đánh nhau sao? Nếu chúng đánh nhau thì con người sẽ sanh bệnh, chẳng phải đạo lý là như vậy sao? Chúng sẽ không đánh nhau, mà vĩnh viễn hài hòa. Nhưng do chúng ta ngược đãi chúng nên chúng mới sinh ra bệnh tật, ngược đãi như thế nào? Chúng ta có tham sân si mạn chính là ngược đãi chúng. Quý vị phải biết rằng, khởi tham sân si mạn thì ai bị hại? Chính mình bị hại, bạn ngược đãi tế bào của chính mình, ngược đãi các nguyên tử, electron trong cơ thể của mình, bạn đã ngược đãi nó, khiến nó thay đổi trạng thái, sinh ra mầm bệnh.

Cho nên Thế Tôn dạy chúng ta tham sân si là ba độc, ba độc này sanh ra đã có rồi. Kinh luận của Tướng tông nói về thức thứ bảy, thức thứ bảy là chấp trước, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là bốn phiền não lớn thường theo nhau. Thức thứ bảy là gì? Do bốn thức tổ hợp thành, thức nhất chính là ngã chấp, ngã kiến, người hiện nay chấp thân thể này là ta, sai rồi, sai lầm thức nhất chính là ngã kiến. Từ ngã kiến khởi lên ngã ái, ngã ái là tham; ngã mạn là sân giận; cuối cùng là ngã si. Bạn xem tham sân si, tham sân si cùng với ta đồng thời khởi lên. Cũng có nghĩa là khi vũ trụ xuất hiện, ta cũng xuất hiện, tham sân si đi theo ta cũng xuất hiện, cho nên đây gọi là phiền não căn bản, nhất định phải nhận biết ba độc phiền não. Thế nên Phật dạy chúng ta phải chuyển mặt-na thức thành bình đẳng tánh trí, nếu chuyển được mặt-na thức rồi thì sẽ vô ngã, vô ngã thì sẽ không còn tham sân si, đó là gì? Trên đề kinh này gọi là bình đẳng, bình đẳng hiện tiền. Không phân biệt, đây là chuyển thức thứ sáu - ý thức, thức thứ sáu giỏi phân biệt, chuyển thức thứ sáu thành diệu quan sát trí, diệu quan sát trí là thanh tịnh. Cho nên vừa chuyển được thức thứ sáu thì tâm thanh tịnh liền hiện tiền, thanh tịnh bình đẳng giác, giác là a-lại-da thức - thức thứ tám, chuyển thức thứ tám thành đại viên cảnh trí. Bạn xem ba câu trên đề kinh này, “thanh tịnh bình đẳng giác”, chuyển thức thứ sáu thành thanh tịnh, chuyển thức thứ bảy thành bình đẳng, chuyển thức thứ tám thành giác ngộ.

Trong cuộc sống thường ngày chúng ta có thể luyện điều này, huấn luyện bản thân cố hết sức không chấp trước, bồi dưỡng chính mình từ chỗ này, cố gắng đừng chấp trước, bởi vì chấp trước chính là lục đạo luân hồi, nhân của lục đạo luân hồi là chấp trước, nhân của pháp giới tứ thánh là phân biệt, bắt tay làm từ đây. Không chấp

trước, trong Phật pháp có phương tiện, bắt tay làm không chấp trước từ đâu? Đối với tất cả pháp, người việc vật, không có ý niệm không chế, không chế là chấp trước, không có ý niệm chiếm hữu, không có ý niệm đối lập, học ba điều này, ba điều này là công phu cơ bản. Không được đối lập với người, họ đối lập với mình thì được, nhưng mình không được đối lập với họ, vì sao vậy? Bởi họ mê, mê nên mới đối lập. Giác ngộ rồi thì không có đối lập, vì sao vậy? Là một thể, sau khi giác ngộ thì biết họ và mình là một thể, không đối lập. Sau khi giác ngộ thì không có không chế, không chế rất mệt mỏi, có thể không chế được hay không? Không chế không được. Không chế là tạo nghiệp, chiếm hữu cũng là tạo nghiệp. Chính mình trong đời sống thường ngày ăn được no, mặc được ấm, có một căn nhà nhỏ che mưa gió là được rồi, bạn là trải qua đời sống của thần tiên, bạn không có bất kỳ áp lực nào, thân tâm khinh an tự tại, tương ưng với đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tánh, tương ưng với tự tánh. Thích-ca Mâu-ni Phật trải qua đời sống như vậy, đây chính là tấm gương tốt nhất, ngài đã thị hiện cho chúng ta, chúng ta phải thể hội được điều này. Cho nên chúng tôi đã giảng nhiều như vậy, đều là câu nói này: “nguồn gốc của các pháp”. “Là các pháp khác biệt duyên khởi từ tâm Như Lai tạng”, đây là nói về vũ trụ, pháp giới, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, đều là các pháp khác biệt duyên khởi từ tâm Như Lai tạng. Tâm Như Lai tạng, Như Lai tạng là chân tâm chân thật, duyên khởi là a-lại-da, câu nói này đã bao gồm a-lại-da là chân vọng hòa hợp. Khởi là sanh khởi, hiện ra y chánh trang nghiêm của mười pháp giới chính là khác biệt. Cho nên nó có cùng một duyên khởi, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới có cùng một duyên khởi, do cùng một duyên khởi nên đương nhiên là hòa thuận. Chúng ta ngày nay không hòa, không hòa do nguyên nhân gì? Do mê. Mê rồi nên ích kỷ, xem thân này là ta, xem khởi tâm động niệm là ta, xem vọng tâm là ta. Nhà triết học nước ngoài nói “ta tư duy nên ta tồn tại”, họ coi điều gì là ta vậy? Kể ra cũng không tệ, họ không xem thân này là ta, họ xem khả năng tư duy là ta, thứ có thể tư duy là gì? Là thức thứ sáu - ý thức, họ vẫn chưa tìm được ta.

Tiếp theo trích dẫn “*sách Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương nói: hoặc ẩn hoặc hiện*”. Hai chữ này rất quan trọng, khi không có duyên thì nó ẩn, có duyên thì nó hiện, hiện tượng ẩn hiện này ở ngay trong cuộc sống thường ngày của chúng ta. Phàm phu chúng ta đã mê mất tự tánh, cho nên thứ gì ẩn và hiện vậy? Tập khí phiền não, khi không có cảnh giới hiện tiền thì nó không khởi tác dụng, tham sân si không khởi tác dụng; cảnh giới vừa hiện tiền thì tham sân si liền khởi dậy, chúng liền hiện ra. Cho nên sự ẩn hiện trong cuộc sống thường ngày, chỉ cần bạn lưu tâm quan sát kỹ thì nó

ở ngay trước mắt. *“Hoặc một, hoặc nhiều, đều không có tự tánh”*, ẩn hiện không có tự tánh, một và nhiều không có tự tánh, tánh của không có tự tánh là chân tánh, cho nên người khai ngộ tùy ý lấy ra một pháp, không pháp nào không phải là chân tánh. *“Do tâm xoay chuyển”*, tâm hiện thức biến, vận chuyển xoay vòng, đây là nói về đạo lý cơ bản của các hiện tượng trong muôn sự muôn vật. *“Nói sự, nói lý, có thành, có lập”*, ngày nay chúng ta gọi “thành” là hiệu quả; ngày nay chúng ta gọi “lập” là kiến thiết, thiết lập. *“Gọi là huyền môn do tâm xoay chuyển mà khéo thành”*, lời này được nói trong sách Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương. “Do tâm mà khéo thành” chính là huyền môn cuối cùng trong mười huyền môn: “chủ bạn viên minh đầy đủ công đức”, chính là ý nghĩa này. Nói đến đây, thế nào là sự sự vô ngại? Đại sư của tông Hiền Thủ rất từ bi, đặc biệt nói ra từng điều từng điều cho chúng ta. Vô ngại của mười huyền môn có mười nhân, có nghĩa là sự sự vô ngại có mười nhân.

Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, đại sư Thanh Lương nói với chúng ta, hiện nay chúng ta trích ra, chính là trích ra từ trong Tam Tạng Pháp Sớ. *“Huyền môn tức là mười huyền môn”*, phần trước chúng ta đã học rồi. *“Lấy tánh đức của mười pháp này làm nhân mà khởi nghiệp dụng lớn”*, “ngiệp dụng lớn” chính là sự xuất hiện của vũ trụ, sự xuất hiện của vạn vật, sự xuất hiện của sinh mạng, những hiện tượng này chính là khởi nghiệp dụng lớn. *“Khiến các pháp huyền môn này dung hợp vô ngại”*, “dung hợp” ở đây cùng một nghĩa với “dung hòa vô ngại” mà trước đó nói. Hòa hợp và dung hợp cùng một ý nghĩa, viên dung vô ngại, *“trùng trùng vô tận”*, ý nghĩa của chữ “huyền” nằm trong câu “trùng trùng vô tận”. *“Do vậy nói rằng vô ngại của huyền môn có mười nhân.”* Nhân thứ nhất chính là *“chỉ do tâm hiện”* đã nói ở trên. Chúng ta hiểu rõ mười nhân này rồi thì sẽ biết rằng đúng là hoàn cảnh đời sống của chúng ta xác thực là vô ngại, vậy thì cái gì là chướng ngại? Chướng ngại do chính mình tạo ra. Chính mình nhất định phải gánh lấy hậu quả, cổ nhân nói “tự làm tự chịu”, không thể trách ai, trách người là sai lầm. Cho nên cổ nhân có câu “việc tốt đều dành cho người, việc xấu thì mình nhận lấy”, lời này nói hết sức có đạo lý. Có thể làm được, có thể nói ra câu này không phải là người thông thường, người thật sự có đức hạnh, có học vấn mới có thể làm được. Chỉ do tâm hiện, *“là hết thảy các pháp thể xuất thế gian chỉ do chân tâm hiện ra. Như thế, pháp do tâm hiện nên toàn pháp là tâm, tâm đã viên dung thì pháp cũng vô ngại”*. Ở đây đã giảng rõ đạo lý, lý và sự không hai, lý như vậy, sự cũng như vậy. Thế nên chúng ta phải biết rằng, chân tâm chính là tự tánh, tự tánh không có hình tướng, nó không phải là vật chất, cũng không phải là tinh thần, nhưng khi một niệm bất giác thì nó liền biến thành vật chất, biến

thành tinh thần, do vậy hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chính là tự tánh, đây là kiến tánh.

Trong Thiền tông kiến tánh là thấy điều gì? Chính ngay nơi hiện tượng mà bất chợt giác ngộ, hóa ra nó chính là tự tánh, chính là chân như, chính là pháp tánh, chính là Phật tánh, danh từ rất nhiều nhưng đều chỉ cho một thứ, bạn thật sự đã thấy được rồi. Tướng có sanh diệt, tánh không có sanh diệt. Tánh không có sanh diệt là thật, tướng có sanh diệt là giả, chân vọng là một, không phải hai. Hiện tượng là gì? Duyên tụ duyên tan, khi duyên tụ thì nó hiện, duyên tan thì không còn nữa. Cho nên khi duyên tụ thì không thể nói là có, khi duyên tan thì không thể nói là không, phải hiểu đạo lý này. Bạn hiểu đạo lý này rồi thì sẽ sanh khởi tâm từ bi, sanh khởi tâm yêu thương, yêu thương chân thành, yêu thương thanh tịnh, yêu thương bình đẳng. Trước tiên là bạn thương mình, tình thương này nhất định phải xuất phát từ đây; con người không thương mình mà thương người khác thì đó là giả, không phải thật, người đó căn bản không hiểu được thế nào là thương. Nếu thật sự hiểu được thì trước tiên là thương mình, thương mình mới có thể thương người, thương người như thể thương thân. Mê hoặc điên đảo thì ngay cả tình thương cũng mê muội, làm gì có thương! Không phải là thương, đều sai hết, hễ mê thì tất cả đều sai. Thế nên khẳng định “pháp do tâm hiện, tất cả pháp là tâm”, là chân tâm, chính là tự tánh. Ngày nay chúng ta cũng là đang giải ngộ. Tâm tánh là viên dung, cho nên pháp cũng viên dung, tất cả pháp đều viên dung, bởi vì nó chính là tự tánh, do vậy nó cũng vô ngại. “*Kinh nói, nên biết tất cả pháp chính là tự tánh của tâm, đúng như vậy.*” Đây là kinh Hoa Nghiêm nói, khi nào bạn biết tất cả pháp là tự tánh của tâm thì đây gọi là khai ngộ, thật sự khai ngộ, biết được tất cả pháp chính là tự tánh của mình thì trong tất cả pháp sẽ không có sự xung đột, không có chướng ngại. Sau cùng trong kinh còn có câu “cho nên đôi bên ắt có đạo lý dung hòa lẫn nhau”, đây là câu cuối cùng trong Hoa Nghiêm Huyền Đàm, “*cho nên ắt có đạo lý dung hòa lẫn nhau*”. Trong mười nhân, câu cuối cùng của mỗi nhân đều dùng câu này để tổng kết. Điều đầu tiên này là chỉ do tâm hiện.

Thứ hai là “*pháp không có tính nhất định*”. Tính ở đây là nói về tính chất, bất kỳ một pháp nào do tự tánh hiện ra đều không có tính nhất định. “*Hết thấy các pháp đã do tâm hiện, theo duyên mà khởi, thì không có tính nhất định.*” Tính ở đây không phải là bản tánh, tính ở đây là tính chất, tính chất của tất cả pháp không nhất định, mà sống động. Cho nên ở đây là do tâm hiện, theo duyên mà khởi, duyên là a-lại-da,

a-lại-da có bốn pháp duyên sanh. Thứ nhất là nhân duyên, nhân duyên là tánh hiện, từ chân tánh hiện ra, đây là nhân duyên; thứ hai là sở duyên duyên, sở duyên duyên là ý thức; thứ ba là vô gián duyên; thứ tư là tăng thượng duyên. Trên thực tế, trong kinh Hoa Nghiêm nói có vô lượng nhân duyên, rất phức tạp, tuy rất nhiều nhưng đều có quy củ, không rối loạn. Thích-ca Mâu-ni Phật khi dạy học đã phương tiện quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn là nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Điều này rất quan trọng đối với chúng ta, phải hiểu được đạo lý này, nhiều chỗ trong Phật pháp có thể ứng dụng vào trong đời sống, giải quyết những vấn đề trong đời sống của chúng ta. Đầu tiên, thân nhân duyên là quan trọng nhất, thân nhân duyên là do tâm hiện ra, đây là thân nhân duyên. Do tâm hiện ra, do thức mà có thể biến đổi, do thức mà biến đổi ấy chính là sở duyên duyên. Sở duyên duyên là thông tin, chỉ cần bạn duy trì được thông tin này không thay đổi thì nó sẽ hình thành hiệu quả mà bạn mong muốn, chính là kết quả, kết quả mà bạn kỳ vọng. Ví dụ chúng ta niệm Phật, niệm Phật mong cầu điều gì? Quý vị phải biết, không phải thăng quan phát tài, không phải khỏe mạnh sống lâu, càng không phải vinh hoa phú quý. Niệm Phật thành Phật, điều chúng ta cầu là thành Phật. Tịnh tông dùng phương pháp nào để thành Phật? Sau khi vãng sanh đến thế giới Cực Lạc là thành Phật. Chúng ta cầu vãng sanh chính là cầu thành Phật, vãng sanh và thành Phật là một việc, không thể chia ra làm hai việc, tới đến thế giới Cực Lạc là để thành Phật.

Chúng ta đọc Đàn kinh, thấy đại sư Huệ Năng quá tài giỏi, khi tôi đọc đến đã thật sự khâm phục năm vóc sát đất. Ngài đến Hoàng Mai lễ bái Ngũ tổ, Ngũ tổ hỏi: “Anh đến cầu điều gì?” Ngài nói: “Con đến cầu làm Phật.” Bạn nghĩ xem, các bạn đến đạo tràng của Phật giáo, người ta hỏi bạn đến để làm gì? Bạn có trả lời giống như đại sư Huệ Năng là “con đến làm Phật” hay không? Cho nên ngài đã thành Phật, vì sao vậy? Ý niệm muốn thành Phật đó của ngài chính là sở duyên duyên của ngài. Ngài không có mong cầu gì khác, bạn nói xem, sức mạnh của ý niệm này lớn biết bao. Ngài thật sự đã thành Phật, hơn nữa thời gian chỉ 8 tháng, ngài ở Hoàng Mai 8 tháng, sau khi Ngũ tổ truyền y bát cho ngài, ngài liền rời khỏi. Đây là sở duyên duyên. Một ý niệm, một mục tiêu, một phương hướng, miệt mài chẳng bỏ, đây là vô gián duyên, niệm niệm không gián đoạn, chỉ nghĩ đến điều này, cầu mong điều này, cuối cùng đã đạt được. Khi đạt được là tăng thượng duyên, Ngũ tổ cho ngài tăng thượng duyên, bốn duyên đầy đủ thì quả báo hiện tiền. Từ ví dụ này chúng ta thấy trong cuộc sống thường ngày của mình, bất luận làm việc gì đều là có ý niệm, ý niệm này có thiện có ác, ý niệm thiện cuối cùng kết thành quả thiện, ý niệm ác cuối cùng tạo ra

quả báo ác. Tạo ác cũng cần bốn duyên này, làm thiện cũng do bốn duyên này, làm ác cũng là bốn duyên này, đó là ý niệm của sở duyên duyên bất thiện. Cho nên bạn phải biết dùng, trong đời sống thường ngày một chút cũng không mê hoặc, trong cửa nhà Phật có cầu ắt ứng.

Khi tôi học Phật, lúc đó còn trẻ, cuộc sống vô cùng gian khổ. Kháng chiến kết thúc, trong nước lại xảy ra chiến tranh, hình như năm 23 tuổi tôi đến Đài Loan, đời sống vô cùng gian nan, chỉ có thể gắng gượng lo cho đời sống của chính mình, khổ không nói nên lời. Muốn đi học, học phải đóng học phí, đóng không nổi học phí. Nghe đến tên của tiên sinh Phương Đông Mỹ, phát hiện thầy là người Đồng Thành, là đồng hương, tôi đã viết một lá thư tự giới thiệu về mình, gửi một bài văn cho thầy xem, mong thầy đồng ý cho tôi đến dự thính môn học của thầy. Thầy dạy ở trường đại học Đài Loan, tôi không có người giới thiệu. Hình như sau hơn một tuần thầy hỏi âm cho tôi, hẹn tôi đến nhà thầy để nói chuyện, tôi đến nhà thầy theo thời gian thầy đã hẹn. Tôi đến gặp thầy, đầu tiên thầy hỏi thăm tình hình ở quê tôi, dù sao cũng có một chút tình đồng hương, thầy hỏi tôi tình hình đọc sách học tập trong những năm qua. Tôi thưa với thầy, thời kỳ kháng chiến tôi trôi dạt không nơi nương tựa, chạy nạn khắp nơi, bị thất học ba năm, tốt nghiệp cấp hai, học được nửa năm cấp ba, sau đó không còn cơ hội đi học nữa, rất muốn học nhưng không có cơ duyên, muốn được dự thính môn học của thầy. Thầy nói với tôi, trường học hiện nay, quý vị nên nhớ đó là 60 năm về trước, thầy nói: “Trường học hiện nay thầy không ra thầy, trò không ra trò, anh muốn đến trường để nghe giảng thì anh sẽ thất vọng lớn.” Khi đó tôi nghe như vậy cảm thấy rất đau lòng, thầy đã từ chối, tôi không còn hy vọng gì nữa, cho nên đương nhiên vẻ mặt rất ủ rũ. Qua mấy phút sau thầy hỏi tôi, thầy nói: “Tôi đã đọc thư của anh, bài văn anh viết tôi cũng đọc qua, những điều anh nói có thật hay không?” Chính là thầy hỏi tôi có thật là tôi chỉ tốt nghiệp cấp hai hay không? Tôi nói thật vậy. Thầy nói sinh viên đại học Đài Loan cũng không viết được bài văn như vậy, thầy hỏi tôi có giấu thầy điều gì hay không? “Không có, tuy con thất học nhiều năm nhưng con thích đọc sách, tay không rời sách.” Sau cùng thầy nói với tôi, thầy nói: “Thế này đi, chủ nhật hằng tuần anh hãy đến nhà tôi, tôi sẽ dạy anh hai tiếng đồng hồ.” Cho nên đã trở thành kiểu dạy học như vậy, học ở bàn tròn nhỏ trong phòng khách nhỏ của thầy, một thầy một trò chúng tôi mỗi tuần học hai tiếng đồng hồ, tôi đã học triết học như vậy, điều này tôi nằm mơ cũng không dám nghĩ đến.

Sau này tôi mới nghĩ thông suốt, vì sao thầy không cho tôi đến trường nghe thầy giảng. Nếu tôi đến trường, chắc chắn sẽ quen biết rất nhiều giảng viên, nhất định sẽ quen biết rất nhiều bạn học, họ sẽ khiến tôi bị ô nhiễm. Với thầy thì tôi là một tờ giấy trắng, yêu thích triết học, chưa từng chính thức học qua. Thế mới biết một vị thầy tốt thật sự nếu muốn tìm người truyền thừa, phải tìm người như thế nào? Như một tờ giấy trắng, họ chưa bị ô nhiễm, lại còn thật sự ham học, không dễ, không dễ gì tìm được. Bản thân tôi đọc vài cuốn sách nên cũng có chút nền tảng, nền tảng này được thầy khẳng định, thầy dạy tôi, giảng cho tôi một loạt bài, chính là bộ khái luận triết học, chương cuối cùng giảng về triết học trong kinh Phật. Khi đó tôi không biết gì về Phật pháp, người ta nói sao thì tôi nói vậy, cho rằng đây là tôn giáo, là mê tín, là đa thần giáo, là tôn giáo cấp thấp. Bởi vậy trước giờ tôi không hề có ý muốn đụng vào, chưa bao giờ tiếp xúc với Phật giáo. Sau khi thầy giới thiệu, tôi mới biết rằng Phật giáo là triết học. Thầy giới thiệu cho tôi, thầy nói: “Thích-ca Mâu-ni Phật là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới”, chúng tôi học triết học, “kinh Phật là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”. Thầy đặc biệt chỉ ra kinh Hoa Nghiêm là triết học khái luận của kinh Phật, thầy đặc biệt giới thiệu, trong sách triết học trên thế giới không có cuốn nào vượt hơn kinh Hoa Nghiêm, kinh này viết quá hay, có lý luận viên mãn, phương pháp tỉ mỉ, phía sau còn có biểu diễn, 53 tham học là biểu diễn. Thầy nói một bộ sách giáo khoa tốt như thế, trên thế giới tìm không ra bộ thứ hai. Thầy đặc biệt thích kinh Hoa Nghiêm, có lẽ thầy tiếp xúc với Phật pháp ở núi Nga Mi, núi Nga Mi là đạo tràng Hoa Nghiêm, là đạo tràng của Bồ-tát Phổ Hiền, chắc là có liên quan đến việc này.

Sau khi thầy Phương giảng khái luận triết học cho tôi thì không lâu sau đó tôi quen đại sư Chương Gia, đây là một bậc lão nhân chuyên học Phật, thuộc thế hệ ông tôi. Ngài dạy tôi khi gặp khó khăn thì phải cầu cảm ứng của Phật Bồ-tát, ngài nói “trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng”. Ngài nói: nhưng đôi khi có cầu mà không có ứng, nguyên nhân do đâu? Không phải không ứng, mà là bản thân bạn có chướng ngại, có nghiệp chướng, sám trừ nghiệp chướng thì cảm ứng sẽ hiện tiền, không phải không ứng. Thời đó của chúng tôi đời sống vật chất vô cùng khó khăn, đại sư Chương Gia có đức hạnh, có học vấn, có công phu, ngài nhìn người đều nhìn được rất thấu triệt, vừa nhìn là biết rõ tôi không có phước báo, thật sự không có phước báo, đời trước không tu phước, cho nên đời này không có phước báo. Tôi biết điều này, trước đây rất nhiều người đoán mệnh cho tôi, mỗi người đều có kho tiền, kho tiền của tôi trống trơn không có gì hết, thế nên cho dù kinh doanh, bất luận kinh doanh thứ gì

cũng không kiếm ra tiền, đều không thể phát tài. Người ta kinh doanh kiếm được tiền, tôi kinh doanh thì chắc chắn lỗ vốn, số không có tiền. Làm thế nào để có được tiền? Trong đời quá khứ bạn từng tu bố thí tài nên có được, bố thí tài được giàu sang, bố thí pháp được thông minh trí tuệ, bố thí vô úy được khỏe mạnh sống lâu, nó có nhân có quả. Đời quá khứ đã lơ là không tạo nhân, đời này không thể có quả báo hiện tiền. Thế nhưng sau khi hiểu được đạo lý này rồi, bây giờ bạn tu cũng vẫn được, sau khi hiểu rồi phải cố gắng tu. Thầy dạy tôi tu bố thí tài, tôi nói: Bản thân con ngay cả đời sống còn không thể duy trì được, lấy đâu ra tiền mà bố thí? Thầy hỏi tôi: “Một xu tiền có không?” Tôi nói: Một xu thì có thể. “Một đồng có thể hay không?” Một đồng gắng gượng thì vẫn được. “Anh hãy từ một xu một đồng mà bố thí.” Quan trọng nhất là phải có tâm bố thí, có ý niệm, ý niệm thật sự làm chủ tất cả.

Vì sự giới thiệu của thầy Phương nên tôi bắt đầu đến chùa, những ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ thường đến chùa để xem thử, biết trong đây có đại học vấn. Thế nhưng những biểu hiện trong chùa không giống với những điều thầy Phương nói, cũng may thầy Phương từng nói với tôi, triết học trong kinh Phật không phải ở trong chùa, thầy nói nó nằm ở đâu? Ở trong kinh điển. Thầy đã chỉ ra phương hướng vô cùng chính xác, nếu thầy không nói câu này, có lẽ tôi sẽ nghi ngờ thầy Phương, thầy nói trong đây có đại học vấn, có triết học, sao mình đến chùa tìm mà một chút cũng chẳng thấy? Tôi liền sẽ hoài nghi. Cho nên thầy Phương đã chỉ ra rất rõ, thầy nói chùa chiền thời xưa, người xuất gia thật sự là đại đức, cao tăng đại đức, có học vấn, có đức hạnh. Thầy nói người xuất gia hiện nay họ không học, trong chùa có kinh điển nhưng họ không học, cho nên không giống trước đây; thời xưa thật học, thật sự mở lớp, thật sự dạy học. Sau này chúng tôi xem trong sách xưa, thấy chùa chiền am đường thời xưa xác thực là dạy học không gián đoạn, lên lớp dạy học không gián đoạn. Không giống như chùa hiện nay, thời xưa thật sự giống như trường học. Cho nên các triều đại của Trung Quốc, những người có học vấn, có đạo đức, rất nhiều người thành công lập nghiệp, nơi mà họ học lúc trẻ đều là trong chùa, đọc sách ở trong chùa. Gọi là tự viện, không thể gọi là chùa miếu, sách vở được sưu tập cất giữ trong tự viện vô cùng phong phú. Vào thời đó những người đọc sách đến đâu để đọc? Đến tự viện, lầu chứa kinh trong tự viện chính là thư viện, sưu tập cất giữ hết sức đầy đủ, không chỉ sách Phật, mà sách của Nho Thích Đạo, sách của bách gia chư tử thấy đều sưu tập, bạn đều thấy được ở nơi đó. Hơn nữa, mỗi hòa thượng đều là thầy giáo giỏi, bạn học tập có vấn đề gì, thỉnh giáo với họ, họ đều giảng cho bạn, tình nguyện hướng dẫn bạn, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, đã sanh ra tác dụng rất lớn.

Trước đây không có trường học, học tập đều ở tự viện. Hiện nay Phật giáo thật sự đã biến thành tôn giáo, là từ giáo dục biến chất, biến thành tôn giáo, không học tập kinh điển nữa. Câu nói này của thầy đã thức tỉnh tôi, Phật giáo ở trong kinh điển. Chúng tôi đến chùa để làm gì? Đến chùa để tìm kinh tạng, tra kinh điển, sao chép kinh. Bởi vì thời đó kinh sách rất ít, không mua được ở cửa hàng thông thường, trong hiệu sách mua không có, cho nên chúng tôi muốn đọc kinh gì thì phải tự mình sao chép lấy. Đây là nguồn gốc của trí tuệ.

Về khỏe mạnh sống lâu, sức khỏe của tôi còn tạm được, nhưng bản thân tôi biết tuổi thọ của mình rất ngắn. Làm thế nào để kéo dài tuổi thọ? Chúng tôi không mong cầu, nhưng sau này gặp thầy Lý (lão cư sĩ Lý Bình Nam), thầy rất từ bi, nhìn thấy những người trẻ tuổi chúng tôi, khi tôi biết thầy thì thầy đã 70 tuổi. Đối với những người trẻ tuổi không có phước, tuổi thọ ngắn, thầy đặc biệt từ bi, có tâm thương xót. Thầy dạy chúng tôi giảng kinh, mục đích giảng kinh là gì? Là kéo dài tuổi thọ. Trong tích lũy công đức thì công đức lớn nhất là giảng kinh dạy học, đây là bố thí pháp, cũng là bố thí vô úy, giúp người phá mê khai ngộ, tự mình phá mê khai ngộ, giúp người khác phá mê khai ngộ, trong pháp thế gian đây là pháp môn số một để tích lũy công đức. Thầy phát tâm dạy chúng tôi, chúng tôi cũng hết lòng học tập, thật sự từ chỗ này mà kéo dài tuổi thọ. Kéo dài bao lâu? Chúng ta thấy trong sách xưa, cuốn đầu tiên tôi đọc là Liễu Phàm Tứ Huấn, tôi đọc xong rất cảm động. Khi đó tôi chưa tiếp xúc với Phật pháp, lão cư sĩ Chu Kính Trụ ở Triết Giang đã tặng cho tôi, tặng cuốn sách này cho tôi xem. Hình như trong vòng hơn một tháng, chưa đến hai tháng, tôi đã đọc cuốn sách này từ đầu đến cuối 30 lần, hết sức cảm động. Những khuyết điểm của tiên sinh Liễu Phàm tôi đều có, còn sở trường của ông thì tôi không sánh bằng. Đọc cuốn sách này rồi biết được điều gì? Phải thay đổi vận mệnh, vận mệnh là có thể thay đổi được, biết được thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là đúng, thế nào là sai.

Sau này học Phật, gặp được đại sư Chương Gia, ngài đã dạy tôi, giúp tôi thay đổi vận mệnh, tôi thật sự nghe theo lời dạy của ngài, từng chút từng chút một, bắt đầu học bố thí từ một xu hai xu. Bởi vì trong tự viện có in kinh, họ thường đưa ra một danh sách, mỗi người góp một ít tiền, một xu hai xu đều được, họ không từ chối; phóng sanh cũng dùng phương pháp này, một xu hai xu cũng đều được. Từ đây mà bắt đầu tu bố thí một cách hoan hỷ, về sau đúng là càng bố thí càng có nhiều. Từ năm tôi 70 tuổi trở về sau, Không lão phu tử nói “tùy tâm mong muốn mà không vượt quy

củ”, tôi chưa đạt đến trình độ này, nhưng hơi giống một chút, thật sự rất nhiều việc tâm tưởng sự thành, càng ngày càng thuận lợi, càng ngày càng tự tại, càng ngày càng hoan hỷ. Đây là gì? Thông thường chúng ta nói là Phật lực gia trì. Gia trì thế nào? Phật dùng phương pháp, lý luận gia trì cho bạn, bản thân bạn phải học, phải thật làm thì quả báo mới hiện tiền; nếu bạn không chịu thật làm thì Phật không thể gia trì cho bạn được. Cho nên quý vị nhất định phải biết, Phật gia trì cho bạn là kinh giáo gia trì cho bạn, gia trì về mặt lý luận, về mặt phương pháp, bạn y theo lý luận, phương pháp này mà làm thì hiệu quả sẽ hiện tiền, điều này là thật, không phải giả. Thế nên Phật là tăng thượng duyên đối với chúng ta. Chắc chắn có thân nhân duyên, vì sao? Tâm hiện thức biến, mọi người ai cũng có, điều này là bình đẳng. Sở duyên duyên thì khác nhau, mục tiêu của ta ở đâu, phương hướng của ta ở đâu, phải lập cho chính xác, càng đơn thuần, càng chuyên nhất thì càng mau thành tựu.

Thế nên tôi học với thầy Lý, thầy dạy chúng tôi học kinh chỉ được học một môn, nếu bạn muốn học hai môn một lúc, vậy thầy sẽ thật thà nói cho bạn biết bạn không có năng lực đó. Đó là gì? Đó là người thượng căn, bạn không có năng lực này, chỉ có thể học một môn, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Tiêu chuẩn học tập của chúng ta là học một bộ kinh, học xong một bộ kinh rồi thì bản thân phải giảng mười lần. Đến đâu để giảng? Đồng học, bạn đạo đều là cư sĩ, bản thân thầy Lý cũng là cư sĩ, giảng ở nhà cư sĩ. Có bao nhiêu người nghe? Ba người, hai người, mỗi tuần giảng một lần, thứ hai giảng ở nhà anh Trương, thứ ba giảng ở nhà anh Lý, thứ tư giảng ở nhà anh Vương. Những khi thầy giáo không lên lớp, chúng tôi đều tìm cơ hội để giảng, bạn phải tìm người đến nghe, từ chỗ này mà xây đắp nền tảng. Sau khi giảng xong để mọi người đặt câu hỏi, xem bản thân mình có giải đáp được hay không, không giải đáp được thì đi hỏi thầy. Học tập cũng là miệt mài chẳng bỏ, thâm nhập một môn, nhất định không cho phép học hai môn, thầy quy định rất nghiêm. Có thể dự thính hay không? Có thể dự thính, thầy dạy rất nhiều môn, dạy giảng kinh, dạy diễn giảng, cũng dạy cổ văn, còn dạy Luận Ngữ, Lễ Ký, dạy thơ từ, khi đó tôi thấy ít nhất có 7-8 môn học, cho nên thầy rất bận. Thế nhưng khi học, đồng học đăng ký học môn nào thì chỉ được học một môn đó, không được học môn thứ hai, nhưng khi thầy dạy người khác, bạn có thể đến dự thính, điều này thầy không cấm, bạn có thể dự thính nhưng không được chuyên công vào môn đó, chỉ được chuyên học một môn. Chúng tôi ở Đài Trung 10 năm chính là dùng cách này để học. Những điều này đều là nói “đã do tâm hiện, theo duyên mà khởi, thì không có tính nhất định”. Tiếp theo nêu ví dụ nói, *“cho nên nói, nhỏ chưa hẳn là nhỏ, trong một vi trần có thể chứa cả*

hư không. Lớn chưa hẳn là lớn, vô số Luân Vi vào trong một đầu lông”. Hôm nay đã hết giờ, đoạn này còn phải giảng tỉ mỉ một chút, chúng ta để ngày mai giảng tiếp.